

Số: 29 /QĐ-KĐCLGD

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành các form mẫu hướng dẫn, thống kê
phục vụ đánh giá ngoài chương trình đào tạo**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 4358/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-HH ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục cho Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đánh giá chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các form mẫu hướng dẫn, thống kê phục vụ đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Đánh giá chất lượng giáo dục, Trưởng các phòng có liên quan và các Đoàn đánh giá ngoài do Trung tâm thành lập chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC


PGS.TS. Nguyễn Phương Nga



Phụ lục 25. Mẫu 11: Danh sách cựu học viên cao học, nghiên cứu sinh tham gia phỏng vấn
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...., ngày tháng năm 20 ...

MẪU 11: DANH SÁCH CỰU HỌC VIÊN CAO HỌC, NGHIÊN CỨU SINH THAM GIA PHỎNG VẤN
(Cần đảm bảo phân bố hợp lý giữa các năm khác nhau, không lấy người học đã tốt nghiệp là cán bộ của Trường, tốt nghiệp không quá 5 năm tính đến ngày phỏng vấn)

TT	Họ và tên	Năm tốt nghiệp	Khoa/Bộ môn	Đơn vị công tác	Số điện thoại	E-mail
1.						
2.						
3.						
...						

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục 24. Mẫu 10: Danh sách nhóm người học tham gia phỏng vấn
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

, ngày tháng năm 20 ...

MẪU 10: DANH SÁCH NHÓM NGƯỜI HỌC THAM GIA PHỎNG VẤN
(Cần đảm bảo phân bố hợp lý theo tỉ lệ sinh viên của từng khóa học, các hệ, từng ngành đào tạo, tỉ lệ hợp lý giữa cán bộ lớp/đoàn thể và các sinh viên khác, giữa các nhóm học lực giỏi, khá, trung bình...)

TT	Họ và tên	Ngành ĐT	Khóa học	Học lực	Đoàn viên	Đảng viên	Điện thoại	Email

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục 23. Mẫu 9: Danh sách cựu sinh viên tham gia phỏng vấn
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày tháng năm 20 ...

MẪU 9: DANH SÁCH CỰU SINH VIÊN THAM GIA PHỎNG VẤN

(Cần đảm bảo phân bố hợp lý giữa các năm khác nhau, không lấy người học đã tốt nghiệp là cán bộ của Trường, tốt nghiệp không quá 5 năm tính đến ngày phỏng vấn)

TT	Họ và tên	Năm tốt nghiệp	Khoa/Bộ môn	Đơn vị công tác	Số điện thoại	E-mail
1.						
2.						
3.						
...						

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục 22. Mẫu 8: Danh sách học viên cao học tham gia phỏng vấn
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

..., ngày tháng năm 20 ...

MẪU 8: DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC THAM GIA PHỎNG VẤN
(Cần đảm bảo phân bố hợp lý theo từng năm học)

TT	Họ và tên	Ngành đào tạo	Đơn vị công tác	Số điện thoại	E-mail
1.					
2.					
3.					
4.					
....					

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục 21. Mẫu 7: Danh sách nhóm nhà tuyển dụng tham gia phỏng vấn
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỞNG ★..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.... ngày tháng năm 20...

MẪU 7: DANH SÁCH NHÓM NHÀ TUYỂN DỤNG THAM GIA PHỎNG VẤN
(Cần đảm bảo phân bổ hợp lý các nhà tuyển dụng SV tốt nghiệp của CTĐT)

TT	Họ và tên	Tên cơ quan	Chức vụ	Điện thoại	Email	Các ngành ĐT của SVTN làm tại CQ	Tổng số SVTN làm việc tại CQ

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục 20. Mẫu 6: Danh sách nhóm chuyên viên, nhân viên, kỹ thuật viên ... tham gia phỏng vấn
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

, ngày tháng năm 20 ...

MẪU 6: DANH SÁCH NHÓM CHUYÊN VIÊN, NHÂN VIÊN, KỸ THUẬT VIÊN ... THAM GIA PHỎNG VẤN
(đại diện các phòng, ban, khoa, trung tâm, viện...)

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Giới tính	Năm công tác	Điện thoại	Email

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục 19. Mẫu 5: Danh sách các cán bộ tham gia làm việc trực tiếp với thành viên Đoàn ĐGN khi được yêu cầu
(Cán bộ của Phòng/Ban chức năng, phòng thí nghiệm, Trung tâm, Thư viện theo lĩnh vực của Tiêu chuẩn KĐCLGD)
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...., ngày tháng năm 20...

MẪU 5: DANH SÁCH CÁC CÁN BỘ THAM GIA LÀM VIỆC TRỰC TIẾP VỚI THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐGN KHI ĐƯỢC YÊU CẦU
(Cán bộ của Phòng/Ban chức năng, phòng thí nghiệm, Trung tâm, Thư viện theo lĩnh vực của Tiêu chuẩn KĐCLGD)

TT	Họ và tên	Chức vụ & đơn vị/bộ phận	Điện thoại	Email
1				
2				
3				
4				

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Bộ lục 18. Mẫu 4: Danh sách các cán bộ đoàn thể tham gia phỏng vấn
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

MẪU 4: DANH SÁCH CÁC CÁN BỘ ĐOÀN THỂ THAM GIA PHỎNG VẤN

TT	Họ và tên	Chức vụ & tên đoàn thể	Giới tính	Điện thoại	Email
1					
2					
3					
4					
...					

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục 17

Mẫu 3: Danh sách nhóm giảng viên tham gia phỏng vấn (20-25 người: đảm bảo cơ cấu độ tuổi, bộ môn khác nhau, không kiêm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý)

(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20 ...

MẪU 3: DANH SÁCH NHÓM GIẢNG VIÊN THAM GIA PHỎNG VẤN
(20 – 25 người: đảm bảo cơ cấu độ tuổi, bộ môn khác nhau, không kiêm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý)

TT	Họ và tên	Khoa/Bộ môn	Giới tính	Năm công tác	Điện thoại	Email	Thỉnh giảng
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
...							

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục 16. Mẫu 2: Danh sách lãnh đạo Khoa, bộ môn trực thuộc Khoa tham gia phòng vấn
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

, ngày tháng năm 20 ...

MẪU 2: DANH SÁCH LÃNH ĐẠO KHOA, BỘ MÔN TRỰC THUỘC KHOA THAM GIA PHÒNG VẤN

TT	Họ và tên	Khoa/Bộ môn/	Chức vụ	Giới tính	Điện thoại	Email
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
...						

HIỆU TRƯỞNG



Phụ lục 15. Mẫu 1: Danh sách Ban giám hiệu, chủ tịch HĐT và Lãnh đạo hội đồng TĐG tham gia phỏng vấn
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...., ngày tháng năm 20 ...

**MẪU 1: DANH SÁCH BAN GIÁM HIỆU, CHỦ TỊCH HĐT VÀ LÃNH ĐẠO HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
THAM GIA PHỎNG VẤN**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Email
1				
2				
3				
4				
...				

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục 14. Bảng thống kê phúc khảo, cảnh báo học vụ, tỷ lệ SVTN liên quan đến CTĐT (ghi tên CTĐT) trong chu kỳ KĐCL (5 năm)
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG THỐNG KÊ PHÚC KHẢO, CẢNH BÁO HỌC VỤ, TỶ LỆ SVTN
LIÊN QUAN ĐẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (ghi tên CTĐT)
TRONG CHU KỲ KĐCL (5 năm)

1. *Thống kê số liệu (kèm minh chứng) về phúc tra/phúc khảo/xem lại bài thi/khiếu nại về kiểm tra, đánh giá học phần của CTĐT (kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ, học phần tốt nghiệp) và kết quả giải quyết hàng năm (trong 5 năm gần đây).*

Năm học	Quy mô SV	Năm 1 (%)	Năm 2	Năm 3 (%)	Năm 4 (%)	Năm 5 (Kỹ sư) (%)	Trung bình (%)
		- Giữa kỳ -Hết HP - T.Nghiệp	- Giữa kỳ -Hết HP - T.Nghiệp	- Giữa kỳ -Hết HP - T.Nghiệp	- Giữa kỳ -Hết HP - T.Nghiệp	- Giữa kỳ -Hết HP - T.Nghiệp	



Phụ lục 14. Bảng thống kê phúc khảo, cảnh báo học vụ, tỷ lệ SVTN liên quan đến CTĐT (ghi tên CTĐT) trong chu kỳ KĐCL (5 năm)
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

2. Thống kê số liệu cảnh báo học tập trong 5 năm gần đây, trong đó chỉ rõ số lượng sinh viên bị cảnh báo/ bị thôi học

Năm học	Quy mô SV	Năm 1 (%)	Năm 2	Năm 3 (%)	Năm 4 (%)	Năm 5 (Kỹ sư) (%)	Trung bình (%)

Phụ lục 14. Bảng thống kê phúc khảo, cảnh báo học vụ, tỷ lệ SVTN liên quan đến CTĐT (ghi tên CTĐT) trong chu kỳ KĐCL (5 năm)
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

Trường/Khoa có giải pháp hoặc biện pháp can thiệp gì/hỗ trợ gì để giảm số lượng sinh viên bị cảnh báo/ bị thôi học?
(mô tả cụ thể)

.....

.....

.....

3. Thống kê tỷ lệ thôi học theo năm học trong 5 năm gần đây

Năm học	Quy mô SV	Năm 1 (%)	Năm 2 (%)	Năm 3 (%)	Năm 4 (%)	Năm 5* (%)	Trung bình (%)

Ghi chú: * = đối với CTĐT Kỹ sư là 5 năm

4. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thôi học theo từng khóa học trong 5 năm gần đây



Phụ lục 14. Bảng thống kê phúc khảo, cảnh báo học vụ, tỷ lệ SVTN liên quan đến CTĐT (ghi tên CTĐT) trong chu kỳ KĐCL (5 năm)
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

Khóa học	Số lượng SV nhập học	Tỷ lệ % người học hoàn thành CTĐT đúng hạn (4 năm hoặc Kỹ sư = 5 năm)	Tỷ lệ % người học hoàn thành CTĐT quá hạn (>4 năm hoặc KS>5)	Tỷ lệ % thôi học			
				Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư và tiếp theo

Ngày tháng năm 20...

Xác nhận của Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phụ lục 13. Biểu mẫu thống kê danh mục các bài báo ISI và SCOPUS trong 5 năm của giai đoạn đánh giá
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...., ngày tháng năm 20

BIỂU MẪU THỐNG KÊ DANH MỤC CÁC BÀI BÁO ISI VÀ SCOPUS TRONG 5 NĂM CỦA GIAI ĐOẠN ĐÁNH GIÁ

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Tạp chí đăng tải	Tập, số, trang	Số xuất bản
NĂM ...					
1					
2					
3					
NĂM ...					
4					
5					
6					
NĂM ...					
7					
8					

Phụ lục 13. Biểu mẫu thống kê danh mục các bài báo ISI và SCOPUS trong 5 năm của giai đoạn đánh giá
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

9					
NĂM ...					
10					
11					
12					
NĂM ...					
13					
14					
15					

Ghi chú: Thêm dòng để đủ với số lượng bài báo đã công bố
Ấn định danh sách có bài./.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục 12. Bảng thống kê các khảo sát của CSGD/CTĐT trong chu kỳ KĐCL (5 năm)
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG THỐNG KÊ CÁC KHẢO SÁT CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC/CTĐT TRONG CHU KỲ KĐCL (5 năm)

STT	Tên khảo sát (ghi đúng tên trên Phiếu khảo sát)	Đơn vị thực hiện	Thời gian bắt đầu/kết thúc khảo sát	Đối tượng khảo sát	Số lượng phản hồi/số lượng khảo sát	Ngày tháng năm báo cáo kết quả KS	Ghi chú
1							
2							
...							

Ngày tháng năm 20...

Xác nhận của Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Hồ sơ liên quan đến các loại khảo sát (kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát...) cần được tập hợp thành một bộ để Đoàn ĐGN tiện tra cứu. **Lưu ý:** Sắp xếp theo thứ tự Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát của từng loại khảo sát theo từng năm học.

Phụ lục 11. Bảng thống kê trang thiết bị
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

TRƯỜNG:

CTĐT:

**BẢNG THỐNG KÊ
PHÒNG THỰC HÀNH, THÍ NGHIỆM**

theo quy định của Thông tư 03/2020/GBĐĐT ngày 10/2/2020

về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình ...

TT	TÊN PHÒNG THỰC HÀNH/THÍ NGHIỆM	DIỆN TÍCH (M2)	Địa chỉ (số phòng , nhà/dãy nhà)	GHI CHÚ
...				
...				
...				
	TỔNG SỐ			

Xác nhận của Ban Giám hiệu
(ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 20
Người lập biểu
(ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG...

CTĐT

BẢNG THỐNG KÊ PHÒNG HỌC LÝ THUYẾT

theo quy định của Thông tư 03/2020/GBDDT ngày 10/2/2020

về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình ...

TT	TÊN PHÒNG/ĐỊA CHỈ PHÒNG	Số chỗ ngồi	Số lượng	Diện tích	TỔNG DIỆN TÍCH (M2)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4 x 5	7
I	Loại phòng trên 200 chỗ					
1						
2						
...						
II	Loại phòng từ 100-200 chỗ					
1						
2						
3						
...						
III	Loại phòng từ 50 - 100 chỗ					
1						
2						
...						
IV	Loại phòng dưới 50 chỗ					
	Tổng số					

Xác nhận của Ban Giám hiệu
(ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 20
Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG....

BẢNG THỐNG KÊ PHÒNG LÀM VIỆC

theo quy định của Thông tư 03/2020/GBĐĐT ngày 10/2/2020
về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình ...

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ (số phòng , nhà/dãy nhà)	Số phòng	Diện tích (m2)	Số người	Ghi chú
I	Ban Giám hiệu					
	Hiệu trưởng					
	Phó hiệu trưởng					
	Phó hiệu trưởng					
II	Phòng Đào tạo					
	Trưởng phòng					
	Phó phòng					
	Nhân viên					
3						
III	Phòng					
4						
5						
	Khoa....					
	Khoa					

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ (số phòng , nhà/dãy nhà)	Số phòng	Diện tích (m2)	Số người	Ghi chú
	Tổng số					

Lưu ý: Nếu cán bộ lãnh đạo có phòng làm việc riêng thì ghi cột ghi chú "phòng làm việc riêng"

Xác nhận của Ban Giám hiệu
(ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 20
Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG....

CTDT

BẢNG TỔNG HỢP KIỂM TRA TÀI LIỆU TẠI THƯ VIỆN

[illegible]

TT	Mã học phần	Tên học phần	Giáo trình chính		Năm xuất bản		Tài liệu tham khảo		Năm xuất bản	
			Số yêu cầu trong đề cương HP	Số có thực tế	Từ trên 5 năm	Từ 5 năm đến nay	Số yêu cầu trong đề cương HP	Số có thực tế	Từ trên 5 năm	Từ 5 năm đến nay
...										
TỔNG SỐ			0	0	0	0	0	0	0	0

Tổng hợp

Tổng số giáo trình xuất bản từ trên 5 năm trở về trước:

Tổng số giáo trình xuất bản từ 5 năm trở lại đây:

Tổng số tài liệu tham khảo xuất bản từ trên 5 năm trở về trước:

Tổng số tài liệu tham khảo từ 5 năm trở lại đây:

Xác nhận của Ban Giám hiệu
(ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 20
Người lập biểu
(Ký, họ và tên)

TRƯỜNG....

CTĐT

**BẢNG THỐNG KÊ
MÁY TÍNH**

TT	Đơn vị	Tổng số	Số máy mới (Từ 5 năm trở lại)	số máy cũ (từ trên 5 năm trở lên)	Ghi chú
	TỔNG SỐ	0	0	0	

Xác nhận của Ban Giám hiệu
(ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 20
Người lập biểu
(ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG....

CTĐT

**BẢNG THỐNG KÊ
MÁY CHIẾU**

TT	PHÒNG/GIẢNG ĐƯỜNG	Tổng số	Số máy mới (Từ 5 năm trở lại)	số máy cũ (từ trên 5 năm trở lên)	Ghi chú
1					
2					
	TỔNG SỐ	0	0	0	

Xác nhận của Ban Giám hiệu
(ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 20
Người lập biểu
(ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG....

CTĐT

**BẢNG THỐNG KÊ
TRANG THIẾT BỊ**

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ/THÔNG SỐ/ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	Số lượng	Năm sản xuất	Nước SX	Dùng cho ngành (CTĐT)	Ghi chú
1						
2						
...						
...						
	TỔNG SỐ					

Xác nhận của Ban Giám hiệu
(ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 20
Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)





Phụ lục 10B. Bảng tổng hợp cơ cấu chi (5 năm của giai đoạn đánh giá) CTĐT
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

**BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU CHI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC:**

CTĐT

Đơn vị: triệu đồng

TT	KHOẢN MỤC CHI	Năm 20...		Năm 20...		Năm 20...		Năm 20...		Năm 20...		Tổng 5 năm	
		Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
I	CHI CHO CON NGƯỜI												0.00%
1.1	Chi cho lương và các khoản phụ cấp theo lương												0.00%
1.2	Chi cho thu nhập tăng thêm											0	0.00%
1.3	Chi thanh toán vượt giờ											0	0.00%
II	CHI CHO NCKH											0	0.00%
2.1	Chi cho NCKH của Giảng viên											0	0.00%
2.2	Chi cho NCKH của người học											0	0.00%
	(Nếu có số chi cho từng CTĐT được ĐGN thì ghi cụ thể từng CTĐT, mỗi CTĐT 1 dòng)												
III	CHI CHO NGƯỜI HỌC											0	0.00%



TT	KHOẢN MỤC CHI	Năm 20...		Năm 20...		Năm 20...		Năm 20...		Năm 20...		Tổng 5 năm	
		Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
3.1	Chi cho học bổng khuyến khích học tập (chi cho toàn trường)											0	0.00%
	(Nếu có số chi cho từng CTĐT được ĐGN thì ghi cụ thể từng CTĐT, mỗi CTĐT 1 dòng)												
3.2	Chi cho khen thưởng SV (chi cho toàn trường)											0	0.00%
	(Nếu có số chi cho từng CTĐT được ĐGN thì ghi cụ thể từng CTĐT, mỗi CTĐT 1 dòng)												
IV	CHO CHO HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ											0	0.00%
4.1	Chi cho hoạt động đoàn thể của sinh viên											0	0.00%
4.2	Chi cho hoạt động đoàn thể của CBGV											0	0.00%
v	CHI CHO ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ											0	0.00%
5.1	Chi cho Đào tạo dài hạn											0	0.00%

TT	KHOẢN MỤC CHI	Năm 20...		Năm 20...		Năm 20...		Năm 20...		Năm 20...		Tổng 5 năm	
		Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
5.2	Chi cho bồi dưỡng ngắn hạn											0	0.00%
VI	CHI CHO MUA TÀI LIỆU, GIÁO TRÌNH											0	0.00%
6.1.	Chi mua tài liệu, giáo trình của thư viện trường											0	0.00%
6.2	Chi mua tài liệu của các khoa, bộ môn											0	0.00%
	(Nếu có số chi cho từng CTĐT được ĐGN thì ghi cụ thể từng CTĐT, mỗi CTĐT 1 dòng)												
VII	CHI CHO HOẠT ĐỘNG HTQT											0	0.00%
7.1	Chi cho đoàn ra, đoàn vào											0	0.00%
7.2	Chi cho tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế											0	0.00%
VIII	CHI CHO MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ, XDCB											0	0.00%

TT	KHOẢN MỤC CHI	Năm 20...		Năm 20...		Năm 20...		Năm 20...		Năm 20...		Tổng 5 năm	
		Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
8.1.	Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị (nếu có thể chi tiết cho từng CTĐT được ĐGN)											0	0.00%
	Chi cho CNTT												0.00%
	Chi cho MMTTB thí nghiệm, thực hành v.v												0.00%
	Chi cho GĐường												0.00%
													0.00%
	Chi tiết các hạng mục												0.00%
8.2	Chi XD CB											0	0.00%
	Chi tiết các hạng mục												0.00%
													0.00%
												0	0.00%
IX	CHI KHÁC (nêu chi tiết)											0	0.00%

TT	KHOẢN MỤC CHI	Năm 20...		Năm 20...		Năm 20...		Năm 20...		Năm 20...		Tổng 5 năm	
		Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
9.1												0	0.00%
9.2												0	0.00%
9.3												0	0.00%
9.4												0	0.00%
												0	0.00%
												0	0.00%
												0	0.00%
												0	0.00%
	TỔNG CHI TOÀN TRƯỜNG	3										3	

Xác nhận của lãnh đạo nhà trường
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ngày tháng năm 20
Người lập biểu

Lưu ý: cột tỉ lệ % được tính trên TỔNG SỐ của từng năm (đối với từng năm) và TỔNG SỐ của cả 5 năm (đối với cả giai đoạn đánh giá)



Phụ lục 10A. Bảng tổng hợp cơ cấu thu (5 năm của giai đoạn đánh giá) CTĐT
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

**BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU THU (5 năm của giai đoạn đánh giá)
TRƯỜNG.... CTĐT**

Đơn vị: triệu đồng

TT	NGUỒN THU	Năm...		Năm...		Năm...		Năm...		Năm...		Tổng 5 năm	
		Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
I	NSNN CẤP												0.00%
1	NSNN cấp kinh phí chi thường xuyên	1										1	100.00%
2	NSNN cấp kinh phí chi không thường xuyên											0	0.00%
3	NSNN cấp cho XD CB											0	0.00%
4	NSNN cấp khác											0	0.00%
II	THU CỦA TRƯỜNG	1										1	100.00%
5	Thu từ học phí											0	0.00%
	Trong đó học phí hệ đại học chính quy											0	0.00%
6	Thu lệ phí											0	0.00%
7	Thu từ hoạt động SX-KD-DV											0	0.00%

BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU THU (5 năm của giai đoạn đánh giá)
TRƯỜNG.... CTĐT

Đơn vị: triệu đồng

TT	NGUỒN THU	Năm...		Năm...		Năm...		Năm...		Năm...		Tổng 5 năm	
		Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
8	Thu từ HTQT											0	0.00%
9	Thu từ NCKH và CGCN											0	0.00%
10												0	0.00%
11												0	0.00%
12												0	0.00%
13												0	0.00%
14												0	0.00%
												0	0.00%
												0	0.00%
												0	0.00%
	TỔNG SỐ (I+II)											1	1

Xác nhận của lãnh đạo nhà trường
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ngày tháng năm 20
Người lập biểu

**Lưu ý: cột tỉ lệ % được tính trên TỔNG SỐ của từng năm (đối với từng năm)
và TỔNG SỐ của cả 5 năm (đối với cả giai đoạn đánh giá)**



Phụ lục 9. Bảng thống kê về đào tạo bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn hằng năm của CBGV-NV liên quan đến CTĐT (ghi tên CTĐT) trong chu kỳ KĐCL (5 năm của giai đoạn đánh giá)
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG THỐNG KÊ VỀ ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG DÀI HẠN VÀ NGẮN HẠN HẰNG NĂM CỦA CBGV-NV
LIÊN QUAN ĐẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (ghi tên CTĐT) TRONG CHU KỲ KĐCL (5 năm của giai đoạn đánh giá)

1. Thống kê về đào tạo bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn hằng năm đối với giảng viên

Loại ĐT bồi dưỡng	20... -20.. (số lượt GV /Tổng GV)	20... -20.. (số lượt GV /Tổng GV)	20... -20.. (số lượt GV /Tổng GV)	20... -20.. (số lượt GV /Tổng GV)	20... -20.. (số lượt GV /Tổng GV)	Tổng kinh phí chi cho ĐTBĐ (số tiền & tỷ lệ % trên tổng chi)
Ngắn hạn						
Thạc sỹ						
Tiến sỹ						
LLCT						
Khác						

Liệt kê một số nội dung chính được bồi dưỡng ngắn hạn:

Phụ lục 9. Bảng thống kê về đào tạo bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn hằng năm của CBGV-NV liên quan đến CTĐT (ghi tên CTĐT)
trong chu kỳ KĐCL (5 năm của giai đoạn đánh giá)
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

2. Thống kê về đào tạo bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn hằng năm đối với nhân viên

Loại ĐT bồi dưỡng	20... - 20... (số lượt NV /Tổng NV)	20... - 20... (số lượt NV /Tổng NV)	20... - 20... (số lượt NV /Tổng NV)	20... - 20... (số lượt NV /Tổng NV)	20... - 20... (số lượt NV /Tổng NV)	Tổng kinh phí chi cho ĐTBĐ (số tiền & tỷ lệ % trên tổng chi)
Ngắn hạn						
Thạc sỹ						
Tiến sỹ						
LLCT						
Khác						

Liệt kê một số nội dung chính được bồi dưỡng ngắn hạn:

Ngày tháng năm 20

Xác nhận của Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phụ lục 8. Danh mục các văn bản/tài liệu ban hành
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
TRƯỜNG ĐẠI HỌC.....

TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÁN BỘ GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN (5 năm của giai đoạn đánh giá)

	Năm...				Năm...				Năm...				Năm...				Năm...			
I. SỐ LIỆU THEO TRƯỜNG:																				
1/ Số liệu tuyển dụng đối với từng nhóm đối tượng:																				
* Tuyển dụng làm GV (số lượng; học vị)																				
* Tuyển dụng làm NV (số lượng; học vị)																				
2/ Số bổ nhiệm vào chức danh GV (hạng I, II, III)	GVCC:	GVC:	GV:		GVCC:	GVC:	GV:		GVCC:	GVC:	GV:		GVCC:	GVC:	GV:		GVCC:	GVC:	GV:	
3/ Số nghỉ hưu theo chế độ																				
4/ Số bị buộc thôi việc/bỏ việc																				
5/ Số lượng bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại vào vị trí quản lý (từ cấp bộ môn trở lên)	BN mới:	BN lại:			BN mới:	BN lại:			BN mới:	BN lại:			BN mới:	BN lại:			BN mới:	BN lại:		
6/ Số lượng cán bộ quản lý luân chuyển các vị trí trong trường.	03				02				01				02				05			
7/ Kết quả đánh giá đối với	XS	HTT	HT	Không g HT	XS	HTT	HT	Không g HT	XS	HTT	HT	Không HT	XS	HTT	HT	Không HT	XS	HTT	HT	Không HT



[illegible]

II. SỐ LIỆU THEO KHOA:

[illegible]

3.Số bị buộc thôi việc/bỏ việc					
--------------------------------	--	--	--	--	--

4/ Số lượng bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại vào vị trí quản lý (từ cấp bộ môn đến cấp LĐ Khoa).	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:
--	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------

5/ Số lượng cán bộ quản lý của Khoa được điều động từ các đơn vị khác đến và từ Khoa đi các đơn vị khác.					
--	--	--	--	--	--

6/ Kết quả đánh giá đối với	XS	HTT	HT	Không g HT	XS	HTT	HT	Không g HT	XS	HTT	HT	Không HT	XS	HTT	HT	Không HT	XS	HTT	HT	Không HT
-----------------------------	----	-----	----	---------------	----	-----	----	---------------	----	-----	----	-------------	----	-----	----	-------------	----	-----	----	-------------

[illegible]

	Nhân viên																							
7/ Kết quả xét thi đua đối với:	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ		
	Giảng viên																							
	Nhân viên																							
III. SỐ LIỆU THEO KHOA:																								
1. Số GV được tuyển dụng																								
2. Số nghỉ hưu theo chế độ																								
3. Số bị buộc thôi việc/bỏ việc																								
4/ Số lượng nhiệm mới, bổ nhiệm lại vào vị trí quản lý (từ cấp bộ môn đến cấp LĐ Khoa).	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:		
5/ Số lượng cán bộ quản lý của Khoa được điều động từ các đơn vị khác đến và từ Khoa đi các đơn vị khác.																								
6/ Kết quả đánh giá đối với	XS	HTT	HT	Không g HT	XS	HTT	HT	Không g HT	XS	HTT	HT	Không HT	XS	HTT	HT	Không HT	XS	HTT	HT	Không HT	XS	HTT	HT	Không HT
	Giảng viên																							0
	Nhân viên																							
7/ Kết quả xét thi đua đối với:	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	CSTĐ
	Giảng viên																							



Nhân viên																				
IV. SỐ LIỆU THEO KHOA:																				
1. Số GV được tuyển dụng																				
2. Số nghỉ hưu theo chế độ																				
3.Số bị buộc thôi việc/bỏ việc																				
4/ Số lượng nhiệm mới, bổ nhiệm lại vào vị trí quản lý (từ cấp bộ môn đến cấp LĐ Khoa).	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:	BN mới:	BN lại:		
5/ Số lượng cán bộ quản lý của Khoa được điều động từ các đơn vị khác đến và từ Khoa đi các đơn vị khác.																				
6/ Kết quả đánh giá đối với	XS	HTT	HT	Không g HT	XS	HTT	HT	Không g HT	XS	HTT	HT	Không HT	XS	HTT	HT	Không HT	XS	HTT	HT	Không HT
Giảng viên																				
Nhân viên																				
7/ Kết quả xét thi đua đối với:	LĐTT		CSTĐ		LĐTT		CSTĐ		LĐTT		CSTĐ		LĐTT		CSTĐ		LĐTT		CSTĐ	
Giảng viên																				
Nhân viên																				

HIỆU TRƯỞNG

....., ngày tháng năm 20...
TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC



Phụ lục 7. Danh mục các văn bản/tài liệu ban hành
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

3. **Danh mục các quy định của Trường liên quan đến xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra và/hoặc CTĐT từ thời điểm đánh giá ngoài (liệt kê văn bản kèm MC)**

STT	Tên văn bản/tài liệu	Số hiệu văn bản	Ngày tháng năm ban hành	Ghi chú
1				
2				
...				

4. **Danh mục các quy định, hướng dẫn của Trường về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (tuyển sinh đầu vào, kiểm tra, đánh giá học phần, bao gồm học phần tốt nghiệp) đối với CTĐT**

STT	Tên văn bản/tài liệu	Số hiệu văn bản	Ngày tháng năm ban hành	Ghi chú
1				
2				
...				

Xác nhận của Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 20
Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 7. Danh mục các văn bản/tài liệu ban hành
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

- 1. Danh mục các văn bản/tài liệu ban hành chuẩn đầu ra (CDR) từ khi mở CTĐT đến thời điểm đánh giá ngoài (liệt kê văn bản kèm MC)**

STT	Tên văn bản/tài liệu	Số hiệu văn bản	Ngày tháng năm ban hành	Ghi chú
1				
2				
...				

- 2. Danh mục các văn bản ban hành CTĐT từ khi mở CTĐT đến thời điểm đánh giá ngoài (liệt kê văn bản kèm MC)**

STT	Tên văn bản/tài liệu	Số hiệu văn bản	Ngày tháng năm ban hành	Ghi chú
1				
2				
...				



Phụ lục 6. Bảng đối sánh mục tiêu cụ thể đã được ban hành của CTĐT
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...., ngày tháng năm 20

BẢNG ĐỐI SÁNH MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...

TT	Phiên bản CTĐT	Mục tiêu cụ thể của CTĐT	Nhận xét sự điều chỉnh/bổ sung về mục tiêu cụ thể của CTĐT so với phiên bản trước đó	Căn cứ/cơ sở xây dựng, điều chỉnh/bổ sung mục tiêu cụ thể CTĐT
1	Năm...	Nội dung mục tiêu cụ thể của CTĐT (kiến thức, kỹ năng, tính tự chủ và chịu trách nhiệm)	Phiên bản 1 không ghi gì	- Tên/số văn bản - Hình thức, số lượng, nội dung chính khảo sát/lấy ý kiến góp ý (nếu có) -
2	Năm...	Nội dung mục tiêu cụ thể của CTĐT (kiến thức, kỹ năng, tính tự chủ và chịu trách nhiệm)	Ghi nhận xét sự thay đổi phiên bản 2 so với phiên bản 1	- Tên/số văn bản - Hình thức, số lượng, nội dung chính khảo sát/lấy ý kiến góp ý (nếu có)
3	Năm...	Nội dung mục tiêu cụ thể của CTĐT (kiến thức, kỹ năng, tính tự chủ và chịu trách nhiệm)	Ghi nhận xét sự thay đổi phiên bản 3 so với phiên bản 2	- Tên/số văn bản - Hình thức, số lượng, nội dung chính khảo sát/lấy ý kiến góp ý (nếu có) -

Ngày tháng năm 20

Xác nhận của Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phụ lục 5. Bảng đối sánh chuẩn đầu ra của CTĐT ... (ghi tên CTĐT) Các phiên bản đã được ban hành trong chu kỳ KĐCL (5 năm)
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...., ngày tháng năm 20

BẢNG ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ...(ghi tên CTĐT)

CÁC PHIÊN BẢN ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH TRONG CHU KỲ KĐCL (5 năm)

1. Bảng so sánh chuẩn đầu ra của CTĐT các phiên bản giai đoạn của chu kỳ KĐCL (5 năm)

TT	Phiên bản CTĐT	Số lượng chuẩn đầu ra của CTĐT	Nhận xét sự thay đổi/khác nhau về CĐR của CTĐT so với phiên bản trước đó	Căn cứ/cơ sở để Nhà trường/Khoa xây dựng CĐR của CTĐT
1	Năm...	Tổng số: Kiến thức: Kỹ năng: Tinh tự chủ và chịu trách nhiệm:	Không ghi gì	- Tên/số văn bản - Hình thức, số lượng, nội dung khảo sát/lấy ý kiến góp ý trong quá trình xây dựng chuẩn (nếu có) -....
2	Năm...		- Chuẩn nào loại bỏ so với phiên bản trước - Chuẩn nào được điều chỉnh - Chuẩn nào mới được bổ sung	- Tên/số văn bản - Hình thức, số lượng, nội dung khảo sát/lấy ý kiến góp ý trong quá trình xây dựng chuẩn (nếu có) -....
3	Năm...		- Chuẩn nào loại bỏ so với phiên bản trước - Chuẩn nào được điều chỉnh - Chuẩn nào mới được bổ sung	- Ghi văn bản - Hình - Tên/số văn bản - Hình thức, số lượng, nội dung khảo sát/lấy ý kiến góp ý trong quá trình xây dựng chuẩn (nếu có) -....

Phụ lục 5. Bảng đối sánh chuẩn đầu ra của CTĐT ... (ghi tên CTĐT) Các phiên bản đã được ban hành trong chu kỳ KĐCL (5 năm)
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

2. Ma trận tích hợp CĐR của CTĐT, chuẩn đầu ra học phần, phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy và phương pháp học

CĐR CTĐT (đánh số CĐR)	Học phần	Học phần tiên quyết	Phương pháp kiểm tra, đánh giá HP	Phương pháp giảng dạy HP	Phương pháp học
1					
2					
....					

Xác nhận của Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 20
Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phụ lục 4. Bảng đối sánh các phiên bản CTĐT
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

BẢNG ĐỐI SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CTĐT

1. Về khối lượng kiến thức

Danh mục kiến thức	Phiên bản 20.... (Số tín chỉ)	Phiên bản 20.... (Số tín chỉ)	Phiên bản 20.... (Số tín chỉ)
Kiến thức toàn khóa			
<i>Khối kiến thức đại cương</i> <i>Bắt buộc</i> <i>Tự chọn</i> <i>Thực hành, thực tập, thực tế</i> Kiến thức lý luận chính trị Kiến thức KHXH-NV Kiến thức ngoại ngữ Kiến thức Toán, Tin và KHTN Giáo dục Thể chất Giáo dục Quốc phòng & An ninh			
<i>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i> Kiến thức cơ sở ngành <i>Bắt buộc</i> <i>Tự chọn</i> <i>Thực hành, thực tập, thực tế</i> Kiến thức chuyên ngành <i>Bắt buộc</i> <i>Tự chọn</i> <i>Thực hành, thực tập, thực tế</i> Kiến thức bổ trợ nếu có (<i>kỹ năng mềm, hướng nghiệp...</i>) Thực tập tốt nghiệp Khóa luận tốt nghiệp			

2. Về nội dung CTĐT (*thống kê sự thay đổi của phiên bản mới so với phiên bản cũ*):

- Tên các học phần có sự thay đổi về số TC so với phiên bản cũ
- Tên các học phần đã được cắt bỏ
- Tên các học phần mới được bổ sung.



Phụ lục 3. Danh sách cán bộ đầu mối hỗ trợ đoàn chuyên gia đánh giá ngoài trong đợt KSCT
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC

**DANH SÁCH CÁN BỘ ĐẦU MỐI
HỖ TRỢ ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI TRONG ĐỢT KHẢO SÁT CHÍNH THỨC**

TT	Họ và tên	Lĩnh vực phụ trách*	Điện thoại	Email

* **Ghi chú:** "Lĩnh vực phụ trách" gồm: Hành chính, TCCB, Đào tạo, KHCN, Hợp tác QT, Công tác SV, ĐBCL, Kế hoạch tài chính, cơ sở vật chất, v.v.



Phụ lục 2. Hướng dẫn thực hiện một số hoạt động hậu cần chuẩn bị cho đợt KSCT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài CTĐT Trường Đại học
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG HẬU CẦN
CHUẨN BỊ CHO ĐỢT KHẢO SÁT CHÍNH THỨC CỦA ĐOÀN CHUYÊN GIA
ĐÁNH GIÁ NGOÀI CTĐT TRƯỜNG ĐẠI HỌC**
(Đối với cơ sở giáo dục được đánh giá)

1. Chuẩn bị cho buổi Khai mạc và Bế mạc

- 1.1. Chuẩn bị phòng họp (trong phòng có treo backdrop theo mẫu kèm theo)
- 1.2. Làm biển tên (để bàn) cho đại biểu tham dự gồm:
 - Giám đốc Trung tâm KĐCLGD, Hiệp hội Các trường ĐH, CĐ Việt Nam
 - Đoàn chuyên gia ĐGN: Cả đoàn (theo Danh sách Đoàn)
 - Nhà trường và đại biểu khác: theo thành phần do Nhà trường triệu tập
(Có thể sử dụng biển tên từ đợt khảo sát sơ bộ và bổ sung thêm)
- 1.3. Mời truyền thông
- 1.4. Chuẩn bị máy tính, máy chiếu cho buổi Bế mạc
- 1.5. Bố trí MC, truyền thông, chụp ảnh, ghi hình, v.v.

2. Chuẩn bị cho các ngày khảo sát chính thức

2.1. **Bố trí xe và cán bộ đưa đón Đoàn:** đến và đi (theo lịch trình của Đoàn), trên xe có đề biển “ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI”; bố trí xe đưa đón hàng ngày từ khách sạn đến trường; bố trí xe đưa đón khi Đoàn tách nhóm đi quan sát tại các địa bàn khác nhau

2.2. **Treo bandroll chào mừng trong khuôn viên trường:** (nội dung theo mẫu kèm theo)

2.3. Chuẩn bị phòng làm việc cho Đoàn ĐGN:

- Phòng làm việc đủ diện tích cho 9-10 người làm việc riêng rẽ và đặt các hộp MC, có đủ ánh sáng, thoáng mát, có mạng wifi (ghi rõ tài khoản và mật khẩu truy cập);
- Bên ngoài phòng làm việc có gắn biển “PHÒNG LÀM VIỆC CỦA ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI”

Phụ lục 2. Hướng dẫn thực hiện một số hoạt động hậu cần chuẩn bị cho đợt KSCT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài CTĐT Trường Đại học
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

- Bên trong phòng làm việc:
 - + Treo backdrop (nội dung theo mẫu kèm theo)
 - + Đặt biển tên cho các thành viên Đoàn theo vị trí ngồi của từng thành viên
 - + Đặt tối thiểu 3 máy tính để bàn có kết nối internet và kết nối với máy in
 - + Đặt tối thiểu 02 máy in, 01 máy photocopy
 - + Đặt 1 điện thoại để bàn
 - + Đặt các văn phòng phẩm: giấy A4, bút bi, bút chì, bút xóa, tẩy, kẹp gim, clearbag, giấy nhớ, bút màu đánh dấu, dập ghim và các vật dụng VP cần thiết khác
 - + Bố trí trà nước cho Đoàn

2.4. Chuẩn bị các Phòng phỏng vấn và Phòng chờ phỏng vấn

- Lưu ý cần có đủ số phòng cho các phiên phỏng vấn đồng thời;
 - Bố trí bàn ghế và chỗ ngồi trong phòng phỏng vấn như sau:
 - + 1 Bàn dài cho Đoàn Đánh giá ngoài ngồi bên trên nhìn xuống bên dưới.
Trên bàn có biển tên (để bàn) cho thành viên Đoàn ĐGN;
 - + Các đối tượng phỏng vấn ngồi theo các dãy bàn bên dưới, trên bàn có biển tên để bàn cho từng người theo thứ tự danh sách nhà trường đã gửi.
 - Chuẩn bị nước uống trong các phòng phỏng vấn.
-



Phụ lục 1. Hướng dẫn thực hiện một số hoạt động hậu cần chuẩn bị cho đợt KSSB của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài CTĐT
(Kèm theo Quyết định 29/QĐ-KĐCLGD ngày 20/12/2016 của Trung tâm KĐCLGD)

HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG HẬU CẦN
CHUẨN BỊ CHO NGÀY KHẢO SÁT SƠ BỘ
CỦA ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Đối với cơ sở giáo dục có CTĐT được đánh giá)**

1. Chuẩn bị phòng họp

- Trong phòng làm việc có treo backdrop (nội dung theo mẫu kèm theo)
 - Làm biển tên (để trên bàn) cho Đoàn đánh giá ngoài và Lãnh đạo Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục gồm:
 - + Giám đốc Trung tâm KĐCLGD – Hiệp hội Các trường ĐH, CĐ Việt Nam
 - + Đoàn chuyên gia ĐGN: Trưởng đoàn, Thư ký, các thành viên
 - + Nhà trường: theo thành phần do Nhà trường triệu tập
- (Biển tên có thể dùng luôn cho đợt khảo sát chính thức)

2. Chuẩn bị tài liệu và các công việc hậu cần khác

- In chương trình khảo sát sơ bộ cho tất cả các đại biểu tham dự
- In Báo cáo Nghiên cứu hồ sơ TĐG để thảo luận (Báo cáo nghiên cứu hồ sơ TĐG của Đoàn ĐGN sẽ được gửi trước 1 ngày tới Quý Trường)
- Chuẩn bị các hộp Minh chứng để Đoàn Đánh giá ngoài kiểm tra sơ bộ
- Chuẩn bị đề cương môn học/học phần (trong đó có thông tin về tài liệu học tập, tài liệu tham khảo chính)
- Dự kiến phòng làm việc của Đoàn, phòng phỏng vấn và phòng chờ để Đoàn Đánh giá ngoài đến thăm quan trong buổi khảo sát sơ bộ
- Bố trí xe và cán bộ đưa đón Đoàn Đánh giá ngoài (theo lịch trình của Đoàn)